

Số: 26/2023/QĐST-HNGĐ
Ngày: 14 - 4 - 2023.

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
(Về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn
và thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- *Chủ tọa phiên họp:* Ông Mạc Minh Quang - Thẩm phán
- *Thư ký phiên họp:* Ông Hoàng Hữu Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.
- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Ông Phạm Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 58/2023/TLST-HNGĐ ngày 28/02/2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con sau ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp số 94/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03/4/2023, giữa:

**** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

- Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1992. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã T, huyện M, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản.

- Anh **Nguyễn Bá T**, sinh năm 1987. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã T, huyện M, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản.

****Người được chị L ủy quyền giao nhận văn bản:*** Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn Bình Đê, xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

****Người liên quan đồng thời là người được anh T ủy quyền giao nhận văn bản:*** Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện M, tỉnh Hải Dương.

Chị L, anh T, ông Đ và bà T1 đều đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai của chị L, anh T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Bá T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/02/2009 tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị L về gia đình anh T sinh sống tại thôn Đ, xã T và tổ chức cuộc sống chung vui vẻ hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau về cách làm ăn kinh tế, về tính cách dẫn đến bất đồng quan điểm, hay cãi chửi nhau. Đến năm 2017, anh chị đều đi lao động tại Nhật Bản và nhờ gia đình bố mẹ đẻ hai bên chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Trong thời gian lao động tại Nhật Bản do mỗi người làm một công ty khác nhau, xa cách về địa lý nên anh chị chỉ liên lạc qua điện thoại, không thường xuyên gặp nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, dần dần ít liên lạc và quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị L và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên đều làm đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị L và anh T có 03 con chung là Lê Nguyễn Bá T2, sinh ngày 22/02/2010, hiện đang ở với bố mẹ đẻ anh T; Nguyễn Bá Bảo L, sinh ngày 11/09/2012 và Nguyễn Uyên L, sinh ngày 23/11/2014, hiện đều đang ở với bố mẹ đẻ chị L. Anh chị đã thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và tự nguyện không yêu cầu chị L đóng góp tiền nuôi dưỡng các con chung, cam kết có đủ điều kiện về mọi mặt chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành. Trong thời gian anh T chưa về nước, anh nhờ bố mẹ đẻ chăm sóc, nuôi dưỡng các con và có trách nhiệm gửi tiền về để nuôi dưỡng các con; gia đình bà T1 đồng ý với quan điểm của anh T và tự nguyện không yêu cầu anh T phải thanh toán chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Chị L hoàn toàn nhất trí và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản, vay nợ: Hai bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Ông Đ là bố đẻ chị L; bà T1 là mẹ đẻ anh T. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị L và anh T đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, do anh chị hiện đang sinh sống tại Nhật Bản không thể về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn tại Tòa án được nên đã ủy quyền cho ông, bà thay mặt giao nộp tài liệu và nhận văn bản tố tụng của Tòa án. Ông Đ đồng ý nhận ủy quyền của chị L, bà T1 đồng ý nhận ủy quyền của anh T và cam kết có trách nhiệm thông báo lại cho chị L, anh T biết kết quả giải quyết của Tòa án. Hiện tại gia đình ông Đ đang chăm sóc 02 cháu Nguyễn Bá Bảo L và cháu Nguyễn Uyên L1, gia đình bà T1 đang chăm sóc cháu Nguyễn Bá T2 từ khi chị L, anh T đi lao động tại Nhật Bản. Chị L và anh T đã thống nhất thỏa thuận giao anh T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng cả 03 con chung sau khi ly hôn và nhờ vợ chồng bà T1 tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng trong thời gian anh T chưa về nước trực tiếp nuôi dưỡng; ngoài ra cháu T2, cháu L và cháu L1 cũng có quan điểm muốn được ở cùng nhau và được ở với bố. Vợ chồng bà hoàn toàn nhất trí thay mặt anh T chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu, không tự nguyện yêu cầu anh T phải thanh toán chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng vì anh T vẫn thường xuyên gửi tiền về cho vợ chồng bà để nuôi

dưỡng các cháu đảm bảo cuộc sống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Xác định những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về lệ phí, án phí Tòa án. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Bá T. Về con chung: Giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Bá T2, sinh ngày 22/02/2010; Nguyễn Bá Bảo L, sinh ngày 11/9/2012 và Nguyễn Uyên L1, sinh ngày 23/11/2014; chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao các cháu T2, L, L1 cho gia đình bà Nguyễn Thị T1 (mẹ đẻ anh T) trông nom, chăm sóc cho đến khi anh T về nước trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị L chịu toàn bộ 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Bá T đều có địa chỉ tại huyện Thanh Miện và cùng làm đơn xin ly hôn; chị L, anh T là người Việt Nam hiện đang sinh sống, làm việc tại Nhật Bản. Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt và giấy ủy quyền của chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Bá T đều được xác nhận của Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Nhật Bản. Do vậy có căn cứ công nhận các văn bản trên là hợp pháp.

Chị L, anh T, bà T1 và ông Đ đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 19/02/2009. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị L anh T tổ chức cuộc sống chung vui vẻ, hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về cách làm ăn kinh tế, bất đồng về quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Đến năm 2017 thì anh chị cùng đi lao động tại Nhật Bản và nhờ bố mẹ đẻ của hai bên gia đình ở Việt Nam chăm sóc con cái. Do chị L và anh T làm việc ở hai công ty khác nhau tại Nhật Bản, sống cách xa nhau nên chỉ liên lạc qua điện thoại, không thường xuyên gặp nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, dần dần ít liên lạc và quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị L và anh T đều xác định tình

cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đều làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần công nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Lê Nguyễn Bá T2, sinh ngày 22/02/2010, hiện đang ở với vợ chồng bà T1 (là mẹ đẻ anh T); Nguyễn Bá Bảo L, sinh ngày 11/09/2012 và Nguyễn Uyên L1, sinh ngày 23/11/2014, hiện đang ở với vợ chồng ông Đ (là bố đẻ chị L). Anh chị đã thỏa thuận sau khi ly hôn giao anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi; anh T tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung và cam kết có đủ điều kiện để nuôi con đến khi trưởng thành, chị L nhất trí. Trong thời gian anh T chưa về nước, anh nhờ bố mẹ đẻ tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng cháu T2, cháu L, cháu L1 cho đến khi anh về nước. Bà T1 hoàn toàn nhất trí thay mặt anh T chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu và tự nguyện không yêu cầu anh T phải thanh toán chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng vì anh T vẫn thường xuyên gửi tiền về để nuôi dưỡng các cháu đảm bảo cuộc sống. Việc thỏa thuận nuôi con của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, cần chấp nhận sự thỏa thuận của các bên theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản: Hai bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị L tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nên Tòa án chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Bá T.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của hai bên giao anh Nguyễn Bá T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Bá T2, sinh ngày 22/02/2010; Nguyễn Bá Bảo L, sinh ngày 11/9/2012 và Nguyễn Uyên L1, sinh ngày 23/11/2014 cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu T2, cháu L, cháu L1 cho gia đình bà Nguyễn Thị T1 (là mẹ đẻ anh T) trông nom, chăm sóc cho đến khi anh T về nước trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị L tự nguyện chịu cả 300.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0003944 ngày 27/02/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. (chị L đã nộp đủ lệ phí ly hôn).

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T, huyện M, tỉnh HD (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã Ký)

Mạc Minh Quang